

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2019/DSPT

Ngày: 14/11/2019

*“V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người
chết để lại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huồn và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14/11/2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2019/TLPT- DS ngày 07/10/2019 về việc: *“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 173/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2019/QĐ-PT ngày 05/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lương Tú M. Vắng mặt;

Địa chỉ: TDP A, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H. Có mặt;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Nguyễn Thị Anh H – sinh năm 1999, vắng mặt;

- Cháu Nguyễn Thị Anh U – sinh ngày 11/5/2003, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 1B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lương Tú M trình bày như sau:

Tôi và ông Nguyễn Văn Anh T có mối quan hệ là anh em cùng quê nên quen biết lẫn nhau, vào ngày 19/6/2016 vợ chồng tôi có cho ông T vay số tiền 140.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất, hẹn trả nợ ngày 20/9/2016. Tôi đã giao đủ tiền cho

ông Nguyễn Văn Anh T và ông T đã tự viết và ký giấy vay nợ. Đến hẹn, tôi đã đến đòi nhiều lần nhưng đến tháng 10/2017 mới trả được 70.000.000 đồng, còn lại là 70.000.000 đồng ông T hẹn trả nợ vào ngày 15/5/2018, nhưng chưa tới ngày trả nợ thì ông T chết đột tử. Do đó, tôi làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H và các con của ông T là những người đang quản lý tài sản của ông Nguyễn Văn Anh T phải có trách nhiệm thay ông T trả nợ cho tôi số tiền nợ còn lại là 70.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Theo bản tự khai bà Trần Thị H trình bày:

Tôi không vay tiền của ông Lương Tú M và cũng không biết chồng tôi (ông Nguyễn Văn Anh T) có vay tiền của ông M không. Vay để sử dụng vào mục đích gì tôi cũng không biết nên tôi không liên quan đến khoản nợ vay của ông M. Khi còn sống tôi có thấy ông M đến nhà tôi ăn nhậu với ông T chứ không thấy nói chuyện đòi nợ tiền vay. Nay ông T đã chết ông M khởi kiện đòi nợ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Ông Nguyễn Văn Anh T chết còn để lại tài sản là nhà và đất cho bà Trần Thị H và các cháu Nguyễn Thị Anh U, cháu Nguyễn Thị Anh H gồm: Thửa đất số 61, 84, tờ bản đồ số 4 có diện tích 13.140m² đất màu đã được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số O 339263 ngày 18/7/1998; Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 4 có diện tích 5.190m² đất đã được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số Đ 657393 ngày 08/7/2004 và thửa đất số 45, tờ bản đồ số 19 có diện tích 850m² đất (trong đó đất ở 400m² còn lại đất màu) đã được UBND huyện K cấp giấy CNQSD đất số O 368709 ngày 18/7/1998.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 161, Điều 203, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Tú M.

Buộc bà Trần Thị H là người đang quản lý, sử dụng phần di sản của ông Nguyễn Văn Anh T có trách nhiệm dùng phần tài sản thừa kế để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Lương Tú M số tiền 70.000.000 đồng gốc, không tính lãi suất

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc tính lãi suất số tiền phải thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án, chi phí giám định, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/9/2019, bị đơn là bà Trần Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng

vẫn vắng mặt, bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá lập luận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn là bà Trần Thị H được nộp trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án “Giấy mượn tiền mặt” đề ngày 19/06/2016 thể hiện việc ông Nguyễn Văn Anh T vay của vợ chồng ông Lương Tú M số tiền 140.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất, hẹn trả nợ ngày 20/9/2016. Theo đơn khởi kiện thì, tính đến tháng 10/2017 ông T đã trả được số tiền 70.000.000 đồng cho ông M, còn nợ lại là 70.000.000 đồng ông T hẹn trả nợ vào ngày 15/5/2018, nhưng chưa đến ngày trả nợ thì ông T chết đột tử. Bị đơn trình bày không biết chồng (là ông Nguyễn Văn Anh T) có vay tiền của nguyên đơn, vay để làm gì và không có liên quan gì tới số tiền này nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc trưng cầu giám định chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là “Giấy mượn tiền mặt”. Tại Kết luận giám định số 31/PC09 ngày 22/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận, chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn Anh T trong các tài liệu so sánh là cùng một người viết và ký ra. Do đó, có căn cứ xác định vào ngày 19/6/2016, ông Nguyễn Văn Anh T có vay tiền của ông Lương Tú M số tiền 140.000.000 đồng, đã trả được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng.

Quá trình xác minh tại địa phương xác định: Ông Nguyễn Văn Anh T là chồng của bà Trần Thị H và họ có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh H sinh năm 1999, Nguyễn Thị Anh U sinh năm 2003. Ngoài ông T còn có bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Tiến và bà Trịnh Thị Mạch (hiện nay đều đã chết). Tại thời điểm ngày 06/4/2018, ông T chết đột tử và không để lại di chúc. Tại “Biên bản họp gia đình” ngày 10/4/2018, thể hiện việc hai con của ông T, bà H từ chối nhận di sản và giao toàn quyền sở hữu cho bà H quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản mà ông T để lại. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H có trách

nhệm thực hiện nghĩa vụ, trong phạm vi di sản do người chết để lại để trả nợ cho ông Lương Tú M số tiền 70.000.000 đồng, là có căn cứ. Tuy nhiên, phần tuyên xử của bản án sơ thẩm về nội dung *“Buộc bà Trần Thị H là người đang quản lý, sử dụng phần di sản của ông Nguyễn Văn Anh T có trách nhiệm dùng phần di sản thừa kế để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Lương Tú M số tiền 70.000.000 đồng, không tính lãi suất”*, là chưa rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn nên cần sửa lại câu chữ cho đúng với quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những lập luận, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H là không có cơ sở để chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] *Về án phí:* Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Tú M.

[1] Buộc bà Trần Thị H là người đang quản lý, sử dụng phần di sản của ông Nguyễn Văn Anh T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, để trả nợ cho ông Lương Tú M 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

[2] Về chi phí giám định: Bà Trần Thị H phải chịu 5.760.000 (Năm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký. Hoàn trả lại cho ông Lương Tú M số tiền 5.760.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký sau khi thu được của bà Trần Thị H.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lương Tú M được nhận lại số tiền 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0007285 ngày 20/12/2018.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0014766 ngày 17/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh